

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2021

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành;

Thực hiện Nghị quyết số 195/NQ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2020;

Thực hiện Công văn số 269/BLĐTBXH-VPGN ngày 03/02/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2021; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 18/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025; Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch giảm nghèo năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2021, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục tập trung huy động nguồn lực trong xã hội để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, tiến tới mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các dự án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững, gắn với thực hiện các Chương trình phát triển kinh tế xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới; tập trung cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn; tạo điều kiện để người nghèo, cận nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản.

Thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo; hoàn thành chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2021.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm 2,1% (từ 9,03% xuống còn 6,93%).

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, triển khai

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở, coi giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Quán triệt, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện hiệu quả Chương trình giảm nghèo ở tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến tạo sinh kế, phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, cận nghèo; việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo phải cụ thể, gắn với thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, ngành, đơn vị mình, phù hợp với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn.

- Thực hiện rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Qua đó, nắm chắc nguyên nhân dẫn đến nghèo của các hộ nghèo và các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo và danh sách các hộ nghèo, cận nghèo có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo để xây dựng kế hoạch, có các giải pháp, biện pháp hỗ trợ phù hợp để các hộ thoát nghèo bền vững.

- Triển khai kịp thời có hiệu quả các dự án, chính sách giảm nghèo trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường lồng ghép nguồn lực của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với thực hiện các chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức

- Tiếp tục tập trung tuyên truyền sâu rộng về công tác giảm nghèo, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số sống tại các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa về tiêu chí của chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần tạo được sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ

thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của toàn xã hội trong triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững.

- Nội dung truyền thông, tuyên truyền phải khơi dậy được ý chí chủ động, vươn lên thoát nghèo của người nghèo, thấy rõ vai trò của người nghèo đối với công tác giảm nghèo, trong đó hộ nghèo, cận nghèo vừa là chủ thể, vừa là đối tượng và người được hưởng lợi từ chương trình giảm nghèo. Đồng thời, phải làm cho người nghèo thấy rõ sự giúp đỡ của Nhà nước, của cộng đồng chỉ là hỗ trợ, sự nỗ lực, tự vươn lên của bản thân hộ nghèo là chính.

- Tăng cường, củng cố hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà nước và đáp ứng nhu cầu thông tin thiết yếu của xã hội; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

3. Thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo bền vững

3.1. Thực hiện các chính sách giảm nghèo chung

a) Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, cận nghèo

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội, đặc biệt là các điểm giao dịch tại các xã, phường, thị trấn, các Tổ tiết kiệm và vay vốn của các tổ chức đoàn thể nhận ủy thác, duy trì tăng trưởng nguồn vốn tín dụng, đảm bảo đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo. Gắn việc cung cấp tín dụng ưu đãi với việc hướng dẫn cách phát triển kinh tế, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất cho hộ nghèo, cận nghèo; thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, các biện pháp, giải pháp tổ chức lại sản xuất, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn, nhất là lao động nghèo; chú trọng thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm và học nghề ở các xã, vùng tái định cư, vùng ít đất sản xuất, vùng phải chuyển đổi nghề nghiệp ở các làng nghề, các xã xây dựng nông thôn mới; gắn dạy nghề với tạo việc làm đối với lao động nghèo. Tích cực phối hợp tư vấn, giới thiệu, hướng dẫn và tạo điều kiện hỗ trợ đối với lao động hộ nghèo đi lao động có thời hạn ở nước ngoài với thu nhập ổn định; quan tâm bố trí và thực hiện chính sách hỗ trợ ban đầu cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; tích cực tư vấn hỗ trợ đưa lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ở các tỉnh, thành phố trong nước.

- Tập trung huy động nguồn lực, tích cực triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ lao động việc làm và đào tạo nghề, phát triển sản xuất, phát triển kinh tế của tỉnh; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản

xuất đối với hộ nghèo, chính sách hỗ trợ phát triển, bảo vệ rừng gắn với giảm nghèo theo quy định.

- Tập trung thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông nông thôn, công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, nông sản cho người dân; ưu tiên nguồn lực hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường bê tông nông thôn. Gắn việc thi công, xây dựng các công trình với tạo việc làm tại chỗ cho lao động là người nghèo.

b) Các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

- Tiếp tục huy động nguồn lực củng cố, cải thiện hệ thống cơ sở vật chất trường học, lớp học; thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn, duy trì và phát triển hệ thống trường nội trú, bán trú, tạo điều kiện học tập thuận lợi cho con em các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo ở các cấp, bậc học theo quy định hiện hành; tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên và các chính sách khác, nhất là sinh viên thuộc hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu y tế - dân số và chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương, tiếp tục xây dựng các xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp các trang thiết bị cho các trạm y tế xã, đặc biệt là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp để thực hiện mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, trong đó chú trọng tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích tham gia bảo hiểm y tế; thực hiện kịp thời việc lập danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng thuộc diện được ngân sách hỗ trợ mức đóng¹.

- Tiếp tục vận động, huy động nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, ưu tiên hộ nghèo có người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, hộ nghèo ở các xã xây dựng nông thôn mới. Thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về nước sạch bảo vệ môi trường cho nhân dân, đặc biệt là việc sử dụng tiết kiệm nguồn nước và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; duy trì thường xuyên các phong trào vệ sinh môi trường tại các vùng nông thôn.

- Tiếp tục xây dựng và củng cố hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở nhằm đảm bảo thông tin về các chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin phát

¹ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành

triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật được đưa đến phục vụ người dân; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của người dân; ngăn chặn, đẩy lùi những thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, đặc biệt ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình. Tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

- Thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ trực tiếp khác của nhà nước đối với người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

3.2. Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

- Tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2021 trên địa bàn toàn tỉnh. Trong đó ưu tiên việc hoàn thiện các cơ sở hạ tầng cho các huyện nghèo được đầu tư từ Chương trình 30a; duy trì thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng các công trình đã được xây dựng, đảm bảo phát huy hiệu quả, giúp cho hộ nghèo, cận nghèo được hưởng lợi từ các công trình để phát triển sản xuất, tăng thu nhập, thoát nghèo.

- Duy trì thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; hỗ trợ đa dạng các hình thức tạo sinh kế cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường. Tiếp tục thực hiện nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, chú trọng các mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa các hộ gia đình, giữa hộ nghèo, cận nghèo với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã, Tổ hợp tác. Tăng cường áp dụng các tiến bộ, khoa học vào quá trình sản xuất nông nghiệp, từng bước thay đổi tập quán canh tác kém hiệu quả, manh mún.

- Thực hiện có hiệu quả nguồn vốn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin để góp phần truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Xây dựng, củng cố hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị và đáp ứng nhu cầu thông tin thiết yếu của xã hội; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

- Thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về giảm nghèo, truyền thông về giảm nghèo cho cán bộ, cộng tác viên giảm nghèo ở các cấp; hướng dẫn các địa phương thực hiện nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững có hiệu quả.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (*khi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có hướng dẫn*), đảm bảo chính xác, phản ánh đúng thực trạng nghèo của các địa phương, nắm chắc nguyên nhân dẫn đến nghèo và đặc điểm hộ nghèo, cận nghèo để có các giải pháp hỗ trợ phù hợp.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện.

4. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giảm nghèo

Tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc phối hợp triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình giảm nghèo. Tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia Chương trình giảm nghèo, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng nông thôn mới; triển khai thực hiện một số mô hình giảm nghèo trong hội viên, đoàn viên nghèo.

Vận động ủng hộ, xây dựng Quỹ “Vì người nghèo” các cấp để tạo nguồn lực giúp đỡ hộ nghèo, cận nghèo phát triển sản xuất, sửa chữa và làm nhà ở, chăm sóc, giúp đỡ người nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các chính sách giảm nghèo chung được bố trí trong dự toán chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố theo quyết định của cấp có thẩm quyền và nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

2. Kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (nếu có) được giao cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những nội dung liên quan tại Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện, đồng thời tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các giải pháp giảm nghèo theo từng lĩnh vực các ngành phụ trách, theo dõi; xây dựng kế hoạch giảm nghèo theo nguyên nhân; tăng cường kiểm tra, đôn đốc cơ sở triển khai tổ chức thực hiện. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho một số cơ quan, đơn vị như sau:

1.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan đôn đốc, hướng dẫn thực hiện kế hoạch này, định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt các chính sách đào tạo nghề, tư vấn và giới thiệu việc làm cho lao động; hướng dẫn triển khai tổng điều tra rà soát hộ nghèo, cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2021-2025; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn toàn tỉnh; tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững theo quy định.

1.3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí thực hiện các chính sách giảm nghèo chung trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện hỗ trợ ban đầu cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

1.4. Sở Giáo dục và Đào tạo: Hướng dẫn, triển khai thực hiện hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục.

1.5. Sở Y tế: Hướng dẫn, triển khai thực hiện hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế.

1.6. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo.

1.7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn, triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định sinh kế cho người dân (trong đó có hộ nghèo, hộ cận nghèo) tham mưu xây dựng, hướng dẫn các chính sách phát triển sản xuất. Hướng dẫn các địa phương để hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ về nước sạch".

1.8. Sở Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn, triển khai thực hiện hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về tiếp cận thông tin.

1.9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Hướng dẫn các địa phương xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đạt chuẩn, tạo điều kiện để người dân tham gia hoạt động và hưởng thụ văn hóa; bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số.

1.10. Sở Tư pháp: Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý, thực hiện việc kiểm tra, hướng dẫn, nâng cao chất lượng hoạt động trợ giúp pháp lý.

1.11. Ban Dân tộc tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn, triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

1.12. Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang: Thực hiện cho vay nguồn vốn ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo theo quy định, trong đó ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện cho vay xuất khẩu lao động; cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu các thủ tục cho vay để hỗ trợ người lao động tham gia xuất khẩu lao động đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số; đặc biệt không được phát sinh thêm các thủ tục ngoài quy định.

1.13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia chương trình giảm nghèo, gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Vận động các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia ủng hộ xây dựng Quỹ "Vì người nghèo" các cấp, tạo nguồn lực để chăm lo, hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo làm nhà ở, phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững.

Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nghèo của từng địa phương, đơn vị.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2021 phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch giảm hộ nghèo đã được giao tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, tiến hành giao chỉ tiêu giảm nghèo đến các xã, phường, thị trấn; xây dựng kế hoạch, đề ra các giải pháp giảm nghèo cụ thể đến từng xã, thôn, tổ nhân dân. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát hộ có khả năng thoát nghèo, cận nghèo để phân công các tổ chức, cá nhân hướng dẫn, hỗ trợ gia đình phát triển sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình giảm nghèo bền vững, đặc biệt quan tâm việc tuyên truyền, giáo dục về kiến thức cuộc sống, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho người nghèo; tuyên truyền về các chủ trương, chính sách giảm nghèo, tổ chức đối thoại chính sách với chính quyền cơ sở, thôn bản, tổ nhân dân và người dân.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai tổng rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025, qua đó nắm chắc thực trạng nghèo, đặc biệt là nguyên nhân dẫn đến nghèo để đề xuất giải pháp hỗ trợ thích hợp.

- Phối hợp với các sở, ngành triển khai đầy đủ, kịp thời và có hiệu quả các dự án, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, người nghèo.

- Thực hiện kịp thời, có hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Thường xuyên rà soát tình hình và tiến độ thực hiện kế hoạch giải ngân kế hoạch vốn, có biện pháp khắc phục triệt để tình trạng chậm giải ngân trong việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Duy trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình giảm nghèo tại cơ sở, kịp thời chỉ đạo, khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng và năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp). Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ CTMTQG tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trưởng phòng: TH, KGVX;
- Lưu: VT, KGVX (Tuyên).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Việt Phương

KẾ HOẠCH GIẢM HỘ NGHÈO NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 56 /KH-UBND ngày 17 /4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021								Ghi chú
			Toàn tỉnh	Chi tiết theo các huyện, thành phố							
				Sơn Dương	Yên Sơn	TP Tuyên Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Tổng số hộ của toàn tỉnh đầu năm	Hộ	211.874	49.994	40.247	36.877	31.922	34.559	10.587	7.688	
2	Tổng số hộ của toàn tỉnh cuối năm	Hộ	213.645	50.394	40.583	37.178	32.200	34.840	10.680	7.770	
3	Số hộ nghèo đầu năm	Hộ	19.137	3.331	2.470	244	3.747	4.249	2.679	2.417	
4	Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	4.316	996	790	80	850	930	370	300	
5	Số hộ nghèo cuối năm	Hộ	14.821	2.335	1.680	164	2.897	3.319	2.309	2.117	
6	Tỷ lệ hộ nghèo										
	- Đầu năm	%	9,03	6,66	6,14	0,66	11,74	12,29	25,30	31,44	
	- Giảm trong năm	%	2,10	2,03	2,00	0,22	2,74	2,77	3,68	4,19	
	- Cuối năm	%	6, 94	4,63	4,14	0,44	9,00	9,53	21,62	27,25	